

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HS-ST
Ngày 11-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Hữu

Ông Lâm Ngọc Thạch

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nông Văn N, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1994 tại xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 6/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn V, sinh năm 1969 và bà Thâm Thị N, sinh năm 1970; vợ là Nông Thị T1, sinh năm 1997; con: Không; có 02 anh em, bị cáo là con cả; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/10/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng ; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Triệu Bằng Giang, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nông Thị T1, sinh năm 1997

Trú tại: B, T, H, Cao Bằng. Có mặt.

2. Nông Văn C, sinh năm 2003

Trú tại: B, T, H, Cao Bằng. Có mặt.

3. Hoàng Nông M, sinh năm 2004

Trú tại: B, T, H, Cao Bằng. Có mặt.

4. Nông Ngọc C1, sinh năm 2005

Trú tại: H1, T, H, Cao Bằng. Có mặt.

5. H2, sinh năm 2004

Trú tại: Đ-T, H, Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

- Người đại diện theo pháp luật:

1. Ông Nông Văn D

Bà Hoàng Thị H5

Cùng trú tại: B, T, H, Cao Bằng. Có mặt.

2. Bà Chu Thị T2

Trú tại: H1, T, H, Cao Bằng. Có mặt.

3. Ông Nông Văn T3

Trú tại: Đ-T, H, Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

- Người làm chứng:

1. Lê Thị Mai H3, sinh năm 1997

Trú tại: B1, H4, T4, T5; vắng mặt.

2. Phan Tà M1, sinh năm 2002

Trú tại: N1, A, B2, L; vắng mặt.

3. Trần Thị Minh T6, sinh năm 1993

Trú tại: T7, N2, thị xã H6, K; vắng mặt.

4. Nguyễn Thị H7, sinh năm 1997

Trú tại: 26x/1x/4x đường Đ, phường T8, Qx, TP.Y; vắng mặt.

5. Nguyễn Thị Kim N3, sinh năm 1991

Trú tại: Ấp L1, L2, B3, L2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 50 phút ngày 24/10/2020, tổ công tác Công an huyện H làm nhiệm vụ tại N4, xã T, huyện H phát hiện Nông Văn C sinh năm 2003, trú tại B, T, H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave màu sơn xám biển kiểm soát 11G1 – 015.33 chở Trần Thị Minh T6 sinh năm 1993, trú tại thị xã H6, tỉnh K; Hoàng Nông M sinh năm 2004, trú tại B, T, H điều khiển xe mô tô Honda Winner X màu sơn đỏ biển kiểm soát 11B1 - 448.xx chở Nguyễn Thị H7 sinh năm 1997, trú tại Q9 thành phố Y; Nông Ngọc C1 sinh năm 2001, trú tại xóm H1, T, H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave màu sơn đen BKS 11U1-169.xx chở Nguyễn Thị Kim N3 sinh năm 2001, trú tại B3, tỉnh L2 hướng vào khu vực biên giới để xuất C1 trái phép sang Trung Quốc. Các đối tượng C, M, C1 khai nhận được Nông Văn N sinh năm 1994, trú tại B, T, H nhờ chở người đi vào bãi đất trống gần mốc 892 thì thả người xuống, khi nhóm người trên đang di chuyển đến xóm N4, gần Ủy ban xã T thì bị phát hiện ngăn chặn.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau: Khoảng tháng 6/2020, N quen biết một người đàn ông quê ở B3 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể), người này sử dụng nick facebook là “Cu Bin” để kết bạn với N qua nick facebook “Nông N”, hai người thường xuyên nhắn tin cho nhau. Đến ngày 20/10/2020, “Cu Bin” gọi qua ứng dụng facebook nhờ N đón 03 người ở nhà nghỉ Hoa Hồng tại thị trấn T9 đưa đến khu vực mốc 892 để vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc với giá 300CNY/người, N sẽ nhận tiền với người đón, N đồng ý và gọi điện cho C, M đến giúp chờ người, nhưng N không nói cho C, M biết là chở người để xuất C1 trái phép, N cũng không nói sẽ trả tiền công cho họ. Khoảng 18 giờ cùng ngày N, M, C điều khiển mỗi người một xe mô tô chở theo mỗi xe một người đưa vào bãi đất trống gần cột mốc 892, sau đó C và M quay xe về, N đợi đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì có một người đàn ông không rõ lai lịch đến đón và đưa cho N 900CNY (nhân dân tệ) như thỏa thuận trước đó với “Cu Bin”, khi về nhà N đã đưa cho C và M mỗi người 100CNY, phần N được hưởng lợi 700CNY. Tiếp đó, khoảng 12 giờ ngày 24/10/2020, “Cu Bin” sử dụng số điện thoại 0393 460 xxx gọi và gửi tin nhắn hình ảnh 02 người phụ nữ qua ứng dụng facebook cho N, kèm theo 02 số điện thoại của người đi và nhắn đón 05 người cũng với giá 300CNY/người, N đồng ý nhưng do không chở được hết, nên N đã chuyển tiếp tin nhắn hình ảnh và bảo C đi đón (C là nhân viên làm thuê tại quán của N), sau đó C gọi cho M cùng đi chở người giúp N, khi hai người đi lên đến quán nước “Không tên” ở cạnh chợ huyện H thì thấy có 03 người phụ nữ không biết tên, nên C bảo M gọi thêm Nông Ngọc C1 để giúp; đồng thời C chở M về phòng trọ để mượn xe máy của H2 sinh năm 2004, trú tại Đ-T, H. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi C, M, C1 đón được 03 người tại quán “Không tên” và chở đến xóm N4, xã T thì xe C bị hỏng, C gọi điện báo cho N biết, khi N vừa đi xe máy xuống đến gần Ủy ban xã T nơi C, M, C1 và ba người phụ nữ đang đợi thì bị phát hiện bắt quả tang. Tại thời điểm đó còn có 02 phụ nữ là Phan Tả

Mấy, trú tại A, huyện B2, tỉnh L và Lê Thị Mai H3, trú tại H4, T4, T5 đang chờ tại chợ huyện H để N đón vào khu vực biên giới để xuất C1 trái phép sang Trung Quốc nhưng vụ việc đã bị phát hiện ngăn chặn.

Hành vi của Nông Văn N đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Nông Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khai: C, M đều khai được N thuê chở người vào khu vực đất trống thuộc xóm H1 xã T huyện H, cách mốc 892 khoảng 2 km, C và M được chở hai lần, C1 được tham gia lần thứ hai. Lần đầu ngày 20/10/2020 lần hai ngày 24/10/2020 đang trên đường đi đến trụ sở UBND xã T thì bị cơ quan công an phát hiện và bắt quả tang, khi chở người thì không được N cho biết chở đi đâu, không được bàn bạc về giá cả, không biết việc N bàn bạc trao đổi với người có nick facebook “cubin” về việc tổ chức đưa người xuất C1 trái phép và khi tham gia chở người chỉ xác định là đi xe ôm, lần đầu chở người khi quay về được N đưa cho 100 đồng tiền Nhân dân tệ, lần thứ hai (lần đầu của C1) chưa đưa được đến nơi cần đến, chưa được trả tiền công. Tại phiên tòa C và M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại điện thoại di động đang bị tạm giữ, C1 đề nghị được trả lại xe mô tô Honda Wave BKS 11U1-169.xx và điện thoại di động đang bị tạm giữ.

Ngày 13-5-2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 64/CTr-VKSCB(P1) truy tố Nông Văn N về tội “*Tổ chức cho người khác xuất C1 trái phép*” theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Điểm b, c khoản 2 khoản Điều 348 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”;

“2. Phạm tội không thuộc các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm”.

a)...;

b) Phạm tội hai lần trở lên;

c) Đối với từ 05 người đến 10 người;

... ”.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nông Văn N về tội “*Tổ*

chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Nông Văn N về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nông Văn N phạm tội *“Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”*.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận tội, đề nghị áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 5 đến 6 năm tù;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của Nông Văn N là 700 đồng nhân dân tệ.

- Tịch thu phát mại sung công quỹ 01 ĐTDĐ hiệu OPPO A92 màu xanh dương trắng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu sơn xám đen bạc, BKS 11G1-015.xx là công cụ phương tiện của bị cáo để C sử dụng thực hiện vào mục đích phạm tội.

- Trả lại cho Nông Thị T1, trú tại: B, T, H, Cao Bằng 01 xe mô tô Honda Winer X BKS: 11B1 430.xx màu sơn đỏ đen là tài sản chung của vợ chồng Nông Văn N, chị T1 không biết việc N sử dụng chiếc xe trên vào mục đích phạm tội.

- Trả lại cho Nông Văn C 01 ĐTDĐ OPPO F9 màu xanh phỉ thúy, dạng màn hình cảm ứng, máy đã qua sử dụng mặt sau của máy vỡ một mảng gần camera sau vì không liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho Nông Ngọc C1 01 xe mô tô Honda Wave màu sơn đen, BKS: 11U1-169.xx; 01 ĐTDĐ OPPO F9 màu đen dạng cảm ứng, vì không liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho Hoàng Nông M 01 ĐTDĐ OPPO A3S màu xanh đen dạng màn hình cảm ứng, máy đã qua sử dụng màn hình có nhiều vết xước vì không liên quan đến sự việc phạm tội.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Triệu Bằng Giang, trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng trình bày luận cứ bào chữa với nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì bị cáo phạm tội chưa đạt, tự thú về hành vi phạm tội trước đó, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn ăn năn hối cải, có ý thức nộp lại số tiền do phạm tội mà có.

Bị cáo Nông Văn N không bào chữa bổ xung.

Tại phiên tòa bị cáo không tranh luận, có ý kiến xác nhận Cáo trạng đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Nông Văn N và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Nông Văn N hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận: Ngày 20 và ngày 24/10/2020 Nông Văn N đã 02 lần thực hiện hành vi tổ chức cho người khác xuất C1 trái phép. Cụ thể: ngày 20/10/2020 đón 03 người từ nhà nghỉ Hoa Hồng ở thị trấn T9, huyện H đưa vào khu vực mốc 892 thuộc xã T, huyện H giao cho một người đàn ông và nhận số tiền 900CNY, sau khi trả tiền công cho C và M thì N còn được hưởng 700CNY. Lần thứ hai: ngày 24/10/2020, N tiếp tục chở C, M, C1 đón 03 người ở thị trấn T9 đưa vào khu vực mốc 892 để xuất C1 trái phép, sau đó sẽ quay lại đón thêm 02 người đang chờ ở thị trấn T9, huyện H, nhưng khi nhóm người trên đang trên đường đưa 03 phụ nữ đi trước đến khu vực xóm N4, xã T, huyện H thì bị phát hiện bắt quả tang, sau đó 02 phụ nữ còn lại cũng được mời đến Công an huyện để xác minh làm rõ vụ việc.

Hành vi đưa người xuất C1 trái phép sang Trung Quốc của Nông Văn N đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất C1, gây ảnh hưởng xấu đến công tác bảo vệ an ninh quốc gia, chủ quyền an ninh biên giới, làm tăng nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh COVID-19 từ bên ngoài vào Việt Nam. Khi thực hiện hành vi phạm tội, Nông Văn N có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích vụ lợi từ việc chở thuê người đến mốc 892, giúp họ xuất C1 trái phép sang Trung Quốc để nhận tiền công. Hành vi của bị cáo Nông Văn N đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” thuộc các trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, “*Đối với từ 05 người đến 10 người*” quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nông Văn N chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội khác trước đó mà chưa bị phát hiện khi đưa 03 người xuất cảnh trái phép vào ngày 20-10-2020 “*người phạm tội tự thú*”, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trước khi bị đưa ra xét xử, bị cáo và gia đình đã chủ động nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo đã được phát hiện ngăn chặn kịp thời, lần thứ hai thực hiện tội phạm bị cáo chưa đưa được người đến địa điểm thỏa thuận và nhận tiền công, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhưng cũng cần lên một mức án tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của hành vi nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Mức hình phạt do Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”, Hội đồng xét xử thấy bị cáo được hưởng lợi từ hành vi phạm tội số tiền không lớn, nên không cần thiết áp dụng một trong các mức hình phạt bổ sung trên đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Truy thu số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có của Nông Văn N là 700 đồng nhân dân tệ tương đương 2.408.000 đồng tiền Việt Nam, Do gia đình bị cáo đã nộp 3.200.000 đồng tiền Việt nam theo biên lai số AA/2011/01588 ngày 29/4/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng là số tiền lớn hơn số tiền bị cáo bị truy thu nên hoàn lại số tiền 792.000 đồng còn thừa cho bị cáo.

- Đối với 01 ĐTDĐ hiệu OPPO A92 màu xanh dương trắng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu sơn xám BKS 11G1-015.33 là công cụ phương tiện của bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung công.

- Đối với 01 xe mô tô Honda Winer X BKS: 11B1 430.20 màu sơn đỏ đen; là tài sản chung của vợ chồng Nông Văn N, chị Thu vợ N không biết việc N sử dụng chiếc xe trên vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho Nông Thị T1 trú tại: B, T, H, Cao Bằng.

- Đối với số tang vật là: 01 ĐTDĐ OPPO F9 màu xanh phỉ thúy, dạng màn hình cảm ứng của Nông Văn C, 01 ĐTDĐ OPPO A3S màu xanh đen dạng màn hình cảm ứng của Hoàng Nông M, 01 xe mô tô Honda Wave màu sơn đen, BKS:

11U1-169.xx; 01 ĐTDĐ OPPO F9 màu đen dạng cảm ứng của Nông Ngọc C1 không có căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của những người này do đó không xác định tang vật phương tiện trên được sử dụng vào mục đích phạm tội, cần trả lại cho họ.

- Cơ quan an ninh điều tra đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer X, màu: Đỏ, BKS: 11B1 448xx, số khung: 3716LY0066xx; số máy: KC34E-11064xx (kèm theo 01 chìa khóa) cho ông Nông Văn T10 (bố của Nông Quốc H2) trú tại: Đ-T, H, Cao Bằng, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, những người này có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa Hoàng Nông M xác nhận Nông Quốc H2 (Nông Văn T10) đã được cơ quan an ninh điều tra trả lại phương tiện trên vì không liên quan đến sự việc phạm tội, thực tế đã thấy H2 đang sử dụng tại địa phương.

[6] Về án phí: Bị cáo Nông Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn N phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Căn cứ vào điểm b, điểm c khoản 2 Điều 348; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Văn N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ là ngày 24/10/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo là 2.408.000đ (hai triệu bốn trăm không tám nghìn đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 3.200.000đ theo biên lai số AA/2011/01588 ngày 29/4/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, hoàn lại số tiền 792.000đ cho bị cáo.

- Tịch thu phát mại sung công quỹ công cụ phương tiện của bị cáo thực hiện vào mục đích phạm tội: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động của Nông Văn N”; 01 (một) xe máy nhãn Honda Wave, màu sơn xám đen bạc, đã qua sử dụng. Xe đeo biển kiểm soát biển kiểm soát 11G1-015.33, số khung: 132272, số máy: 5132411. Qua cả số khung, số máy thực tế của xe khớp với phiếu trả xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của phòng C1 sát giao thông tỉnh Cao Bằng ngày 04/12/2020 có bản cả số khung, số máy kèm theo.

- Trả lại cho Nông Thị T1, trú tại: Bản Khau, T, H, Cao Bằng 01 (một) xe máy nhãn Honda Winer X, màu sơn đỏ xanh đen trắng, đã qua sử dụng. Xe đeo biển kiểm soát 11B1 - 430.xx, số khung RLHKC3717LY0138xx; số máy:

KC34E11157xx. Qua cả số khung, số máy thực tế của xe khớp với phiếu trả xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của phòng C1 sát giao thông tỉnh Cao Bằng ngày 04/12/2020 có bản cả số khung, số máy kèm theo.

- Trả lại cho Nông Văn C: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động của Nông Văn C”.

- Trả lại cho Nông Ngọc C1: 01 (một) xe máy nhãn Honda Wave màu sơn đen bạc, đã qua sử dụng, xe đeo biển kiểm soát: 11U1 —169.xx, số khung: RLHJA3912LY2002xx, số máy: JA39E15381xx. Qua cả số khung, số máy thực tế của xe khớp với phiếu trả xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của phòng C1 sát giao thông tỉnh Cao Bằng ngày 04/12/2020 có bản cả số khung, số máy kèm theo; 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động của Nông Ngọc C1”.

- Trả lại cho Hoàng Nông M: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động của Hoàng Nông M”.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 101 ngày 07 tháng 6 năm 2021.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Nông Văn N có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án/.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đàm Văn Hữu

Lâm Ngọc Thạch

Nông Hà Nam

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Cao Bằng;
- CQ ANĐT CA tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA;
- Lưu tòa HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Hà Nam

